

DANH SÁCH HỌC PHÍ - HK2/2019-2020
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO - KHÓA 18

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HP HK	HP HL TA	HP HL TV	TỔNG HP HL	TỔNG HP	GIẢM 7%	TỔNG HP SAU GIẢM
1	18127001	Phạm Kỳ Anh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
2	18127003	Trần Hải Đăng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
3	18127004	Nguyễn Vũ Thu Hiền	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
4	18127005	Trần Thu Hiền	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
5	18127006	Hồ Nguyễn Huy Hoàng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
6	18127008	Lê Mạnh Hoàng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
7	18127010	Nguyễn Trung Kiên	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
8	18127011	Đặng Minh Hoàng Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
9	18127014	Huỳnh Nhật Nam	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
10	18127016	Nguyễn Thanh Minh Nguyệt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
11	18127017	Nguyễn Hoàng Nhân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
12	18127020	Trần Thị Quỳnh Như	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
13	18127021	Lý Vinh Sang	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
14	18127022	Phạm Ngọc Thùy Trang	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
15	18127027	Trần Minh Đức	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
16	18127037	Phan Ngọc Thiên Ân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
17	18127039	Lâm Ngọc Phương Anh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
18	18127041	Lê Thanh Bình	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
19	18127042	Lê Phương Đào	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
20	18127044	Nguyễn Gia Hưng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
21	18127046	Lư Ngọc Liên	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
22	18127047	Lê Hoàng Long	9,900,000	-	3,600,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000
23	18127051	Nguyễn Thanh Phong	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
24	18127053	Ngô Thị Thanh Thảo	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
25	18127055	Hoàng Nguyên Trúc	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
26	18127056	Phạm Xuân Tú	9,900,000	4,000,000	3,600,000	7,600,000	17,500,000	1,225,000	16,275,000
27	18127057	Nguyễn Tiến An	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
28	18127058	Nguyễn Trinh An	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
29	18127059	Nguyễn Trung An	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
30	18127063	Lê Cao Tuấn Anh	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
31	18127064	Phạm Đức Anh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
32	18127065	Phạm Thị Hồng Anh	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
33	18127066	Trần Minh Anh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
34	18127068	Bùi Nguyễn Minh Châu	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
35	18127069	Võ Minh Châu	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
36	18127070	Trần Đại Chí	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
37	18127072	Huỳnh Lâm Hoàng Đại	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
38	18127073	Phan Quang Đại	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
39	18127074	Trần Hải Đăng	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
40	18127076	Lê Tiến Đạt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
41	18127077	Nguyễn Thành Đạt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
42	18127078	Phan Tấn Đạt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
43	18127080	Kiều Vũ Minh Đức	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
44	18127081	Nguyễn Minh Đức	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
45	18127082	Đặng Thị Kim Dung	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
46	18127084	Đinh Hoàng Dương	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
47	18127085	Lê Nguyễn Thùy Dương	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
48	18127086	Lê Thị Thùy Dương	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
49	18127087	Dương Trần Mẫn Duyệt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
50	18127090	Nguyễn Anh Duyệt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
51	18127091	Nguyễn Chí Duyệt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
52	18127092	Phạm Vũ Duyệt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
53	18127093	Phan Hoàng Duyệt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
54	18127094	Trịnh Quang Hà	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
55	18127095	Nguyễn Minh Hải	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
56	18127096	Nguyễn Tấn Hào	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
57	18127097	Hà Thế Hiền	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
58	18127098	Lê Thanh Hiếu	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000

59	18127099	Nguyễn Đức Hiếu	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
60	18127100	Võ Chí Hiếu	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
61	18127101	Đào Lê Việt Hoàng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
62	18127102	Nguyễn Văn Hoàng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
63	18127103	Cao Gia Hưng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
64	18127104	Nguyễn Tất Hưng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
65	18127105	Đỗ Quốc Huy	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
66	18127107	Lý Đăng Huy	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
67	18127108	Phạm Gia Huy	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
68	18127109	Thái Hoàng Huy	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
69	18127110	Trần Đình Huy	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
70	18127111	Trần Quốc Huy	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
71	18127113	Võ Văn Quốc Huy	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
72	18127114	Lê Văn Khải	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
73	18127117	Trương Phúc Khang	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
74	18127118	Mai Đăng Khánh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
75	18127119	Nguyễn Đỗ Khiêm	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
76	18127120	Trương Bảo Khiêm	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
77	18127121	Nguyễn Đăng Khoa	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
78	18127122	Nguyễn Trần Duy Khương	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
79	18127123	Nguyễn Trung Kiên	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
80	18127124	Hoàng Xuân Kiệt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
81	18127126	Huỳnh Đức Lê	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
82	18127127	Nguyễn Thị Thùy Linh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
83	18127128	Lê Quang Lộc	9,900,000	-	3,600,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000
84	18127129	Nguyễn Tân Lộc	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
85	18127130	Trần Phước Lộc	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
86	18127131	Trần Xuân Lộc	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
87	18127132	Bùi Thành Long	9,900,000	4,000,000	2,700,000	6,700,000	16,600,000	1,162,000	15,438,000
88	18127134	Lê Huỳnh Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
89	18127135	Nguyễn Bá Nhật Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
90	18127136	Nguyễn Đăng Huỳnh Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
91	18127138	Nguyễn Duy Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
92	18127139	Tăng Trường Long	9,900,000	4,000,000	3,600,000	7,600,000	17,500,000	1,225,000	16,275,000
93	18127140	Thái Hoàng Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
94	18127141	Trần Phi Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
95	18127142	Trịnh Hoàng Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
96	18127143	Trịnh Thanh Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
97	18127145	Vũ Thành Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
98	18127146	Khưu Vĩ Luân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
99	18127147	Trần Quang Lực	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
100	18127148	Thái Quỳnh Mai	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
101	18127149	Hứa Minh Mẫn	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
102	18127150	Âu Hồng Minh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
103	18127151	Hồ Minh	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
104	18127152	Nguyễn Như Quang Minh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
105	18127153	Phan Nhật Minh	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
106	18127154	Võ Ngọc Minh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
107	18127155	Vũ Công Minh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
108	18127156	Lê Văn Thuận Mỹ	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
109	18127158	Lê Thành Nam	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
110	18127159	Lý Duy Nam	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
111	18127160	Nguyễn Lê Hoàng Nam	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
112	18127163	Ôn Hào Nguyên	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
113	18127164	Huỳnh Thiện Nhân	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
114	18127165	Lưu Thiện Nhân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
115	18127166	Nguyễn Nhân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
116	18127168	Trần Bùi Tài Nhân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
117	18127169	Trần Đình Minh Nhân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
118	18127170	Dương Trung Nhật	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
119	18127172	Đặng Nguyễn Quỳnh Như	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
120	18127174	Nguyễn Quang Pháp	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
121	18127175	Dương Tân Phát	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
122	18127176	Tô Đông Phát	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
123	18127177	Trần Đình Minh Phát	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
124	18127178	Phạm Hùng Phi	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
125	18127180	Lê Hoàng Phúc	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
126	18127181	Nguyễn Phúc	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000

127	18127182	Nguyễn Thị Tâm Phúc	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
128	18127183	Trần Bảo Phúc	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
129	18127184	Trương Hoàng Phúc	9,900,000	-	2,700,000	2,700,000	12,600,000	882,000	11,718,000
130	18127185	Bùi Vũ Hiếu Phụng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
131	18127186	Trần Đình Phước	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
132	18127187	Dương Ngọc Nguyên Phương	9,900,000	-	3,600,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000
133	18127188	Trần Thị Thê Phương	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
134	18127190	Lê Hồng Quang	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
135	18127191	Nguyễn Minh Quang	9,900,000	4,000,000	4,500,000	8,500,000	18,400,000	1,288,000	17,112,000
136	18127192	Trần Minh Quang	9,900,000	-	1,800,000	1,800,000	11,700,000	819,000	10,881,000
137	18127193	Hồ Phạm Nam Quốc	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
138	18127194	Vũ Đình Quý	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
139	18127195	Hỷ Phú Quyền	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
140	18127196	Cao Nguyễn An Sơn	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
141	18127197	Đặng Khánh Sơn	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
142	18127198	Lê Quang Bảo Sơn	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
143	18127199	Lê Thanh Sơn	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
144	18127201	Phạm Tân Sự	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
145	18127202	Đinh Lê Trọng Tài	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
146	18127203	Nguyễn Lê Quốc Tài	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
147	18127204	Thái Nhật Tân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
148	18127205	Nguyễn Phúc Tân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
149	18127206	Trịnh Văn Tân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
150	18127207	La Thành Thái	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
151	18127208	Ngô Thanh Phương Thái	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
152	18127209	Hà Minh Thanh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
153	18127210	Nguyễn Quý Thanh	9,900,000	-	1,800,000	1,800,000	11,700,000	819,000	10,881,000
154	18127211	Lê Minh Thành	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
155	18127212	Nguyễn Chí Thành	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
156	18127214	Nguyễn Hà Thành	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
157	18127215	Quách Phú Thành	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
158	18127217	Trình Minh Thành	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
159	18127218	Vũ Công Thành	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
160	18127219	Nguyễn Đình Thảo	9,900,000	-	2,700,000	2,700,000	12,600,000	882,000	11,718,000
161	18127220	Nguyễn Nhật Thảo	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
162	18127221	Bùi Văn Thiện	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
163	18127223	Nguyễn Phúc Thịnh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
164	18127224	Phạm Quang Thịnh	9,900,000	-	1,800,000	1,800,000	11,700,000	819,000	10,881,000
165	18127225	Văng Phúc Thịnh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
166	18127226	Bùi Thị Anh Thư	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
167	18127227	Nguyễn Anh Thư	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
168	18127229	Lê Minh Tiền	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
169	18127230	Nguyễn Bá Tín	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
170	18127231	Đoàn Đình Toàn	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
171	18127234	Trần Ngọc Bảo Trân	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
172	18127236	Hồ Đại Trí	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
173	18127238	Phùng Minh Trí	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
174	18127239	Nguyễn Quý Triển	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
175	18127241	Nguyễn Đăng Triều	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
176	18127243	Nguyễn Hoàng Anh Tú	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
177	18127244	Bùi Tạ Đức Tuấn	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
178	18127245	Lê Ngọc Tuấn	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
179	18127246	Trần Quốc Tuấn	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
180	18127247	Trần Thanh Tuấn	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
181	18127248	Võ Trần Quang Tuấn	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
182	18127249	Nguyễn Văn Phi Tuyền	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
183	18127250	Lê Trần Trúc Vân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
184	18127251	Hồ Hữu Viễn	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
185	18127252	Đinh Thành Việt	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
186	18127253	Nguyễn Phạm Trường Vinh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
187	18127255	Từ Kiên Vinh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
188	18127257	Trần Huy Vũ	9,900,000	4,000,000	-	4,000,000	13,900,000	973,000	12,927,000
189	18127258	Nguyễn Phạm Thanh Vy	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
190	18127259	Kiều Công Hậu	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
191	18127260	Từ Kiên Hoa	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
192	18127261	Nguyễn Công Anh Khoa	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
193	18127263	Đinh Phi Long	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
194	18127264	Trần Hà Long	9,900,000	4,000,000	3,600,000	7,600,000	17,500,000	1,225,000	16,275,000

195	18127265	Nguyễn Hoàng Minh	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
196	18127266	Trần Quỳnh Như	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
197	18127267	Trần Đình Sang	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
198	18127268	Trần Thanh Tâm	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
199	18127269	Nguyễn Thái Tân	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
200	18127270	Nguyễn Công Thiện	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
201	18127271	Lê Minh Thanh Tú	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
202	18127272	Nguyễn Thị Anh Đào	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000
203	18127274	Nguyễn Lê Đức Hoàng	9,900,000	-	-	-	9,900,000	693,000	9,207,000

Ngày tháng năm 2020
Người lập bảng

Bùi Thị Kim Ngân